

DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ BỔ SUNG LẦN 1
NĂM HỌC 2024- 2025

(ĐVT: đồng/ tháng)									
STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SỐ HỌ/ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH	LỚP	SỐ TIỀN					
				Học phí công lập	Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (Tiếng Anh K10,11)	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TP. HCM theo định hướng chuẩn quốc tế . Giai đoạn 2021-2030) (MOS, GOOGLE)	TỔNG CỘNG
DIỆN GIẢM 50%									
HỘ CẬN NGHEÒ, HỘ THOÁT MỨC CHUẨN HỘ CẬN NGHEÒ									
1	Trần Hoàng Minh Kha	2710902024HKN	11.09	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
2	Hoàng Huyền Thuy	26920030073HKN	11.10	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
3	Trần Thế Ngọc	270091010330HKN	11.11	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
4	Nguyễn Hoàng Gia Linh	26866100488HCN	12.04	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
5	Trần Hoàng Minh Khang	27109020241HKNHKN	12.08	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
TỔNG CỘNG (1)				300,000	750,000	650,000	200,000	300,000	2,200,000
DIỆN KHÁC									
1	Đặng Nguyễn Quỳnh Giao	Diện khác	10.02	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
2	Nguyễn Ngọc Tường Vi	Diện khác	10.08	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
3	Huỳnh Văn Minh	Diện khác	10.12	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
4	Hoàng Minh Anh Nam	Diện khác	11.01	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
5	Ngô Thanh Phương	Diện khác	11.03	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
6	Huỳnh Tường Minh	Diện khác	11.09	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
7	Nguyễn Quỳnh Trang	Diện khác	12.04	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
8	Nguyễn Đặng Thanh Tuấn	Diện khác	12.13	60,000	150,000	130,000	40,000	60,000	440,000
TỔNG CỘNG (1)				480,000	1,200,000	1,040,000	320,000	480,000	3,520,000
DIỆN MIỄN 100%									
KHUYẾT TẬT									
1	Đoàn Mạnh Cường	Trí tuệ	12.12	120,000	300,000	260,000	80,000	120,000	880,000
2	Phạm Lâm Mai Anh	Thần kinh, tâm thần, trí tuệ	12.12	120,000	300,000	260,000	80,000	120,000	880,000
3	Lê Nguyễn Thắng	Trí tuệ	12.12	120,000	300,000	260,000	80,000	120,000	880,000
4	Nguyễn Bảo Duy	Tâm thần nhẹ	12.13	120,000	300,000	260,000	80,000	120,000	880,000
5	Vũ Mạnh Hiếu	Trí tuệ	12.13	120,000	300,000	260,000	80,000	120,000	880,000
6	Nguyễn Tấn Dũng	Trí tuệ	12.13	120,000	300,000	260,000	80,000	120,000	880,000
TỔNG CỘNG (5)				720,000	1,800,000	1,560,000	480,000	720,000	5,280,000
TỔNG CỘNG ((1)+(2)+(3)+(4)+ (5))									7,480,000